| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 99/2019/HS-PT
Ngày 22/05/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Trần Minh Long**

*Các Thẩm phán*: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Ông **Nguyễn Tấn Anh**

*Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Hồng Minh**– Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 05 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 34/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 3năm 2019 đối với bị cáoVõ Văn H, Huỳnh Bá M, Nguyễn Quang P, Lê Anh H do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 20 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.

*- Bị cáo bị kháng nghị:*

**1/ VÕ VĂN H.** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993 tại TP Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 38 (86 cũ), phường M, quận S, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Phật giáo.Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 27/9/2007, bị Chủ tịch UBND quận Sơn Trà xử phạt hành chính bằng hình thức đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 02 năm. Con ông: Võ Văn T (SN 1970) và bà: Nguyễn Thị Bích L (SN 1968). Gia đình có 2 anh em, bị can là con thứ hai. Có vợ: Huỳnh Thị Tuyết T (SN 1990) và 02 con

nhỏ tên: Võ Huỳnh Duy K (SN 2012) và Võ Huỳnh A (SN 2014); Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2018, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

**2/ HUỲNH BÁ M.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: B. Sinh năm: 1993 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 54, phường H, quận S, Tp. Đà Nẵng;Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: không. Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Vào ngày 24/9/2012, bị TAND TP Đà Nẵng tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản".Vào ngày 03/12/2008, bị Chủ tịch UBND quận S xử phạt hành chính bằng hình thức đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 02 năm. Con ông: Huỳnh Bá T (SN 1965) và bà: Phạm Thị N (SN 1969). Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu.; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2018, hiện đang bị tạm. Có mặt tại phiên tòa.

**3/ NGUYỄN QUANG P.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1993 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 43 A II, phường B, quận C, Tp. Đà Nẵng;Nghề nghiệp: Sơn vôi; Trình độ học vấn: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam.Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Phật giáo; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 28/4/2017, bị TAND quận C, Tp. Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng; Con ông: Nguyễn Quang Đ (Chết) và bà: Phan Thị H (SN 1967); Gia đình có ba anh em, bị cáo là con út; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2018, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

**4/ LÊ ANH H.** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1990 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: 176/10 C, tổ 33, phường A, quận L, Tp. Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: không.Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Lê Văn T và bà: Phạm Thị Mỹ D; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con út. Có vợ: Lê Thị My L (SN 1993); Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2018, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

- **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**; Trụ sở: số 89 đường H, quận Đ, Tp. Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng: 1094 Q, quận T, Tp. Đà Nẵng; Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Ngọc T** – sinh năm: 1981; Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền Trung *(Theo văn bản ủy quyền số 10/2019 ngày 19 tháng 02 năm 2019)*. Có mặt.

- Bà **Huỳnh Thị Tuyết T**; sinh năm: 1994; địa chỉ: tổ 38, phường M, quận S, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 53 phút ngày 13/9/2018, tại khu vực trước sân bóng đá Chuyên Việt, phường B, quận C, Phòng CSĐTTP về ma tuý Công an TP Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính đối với có 03 đối tượng tên Võ Văn H, Huỳnh Bá M, Phan Huỳnh Cẩm G (SN 2000); Trú tại: H, Thị xã B, tỉnh Hậu Giang) đang ngồi trên xe ô tô BKS 43A – 311.90 thì phát hiện trong hộp kính trên trần xe ô tô BKS 43A – 311.90 (phía trong xe ô tô) có 01 gói nylong kích thước (8x16) cm, bên trong có chứa: 5 gói nylong kích thước khoảng (2x3) cm bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng và 16 gói nylong kích thước các loại chứa tổng cộng 57 viên nén màu xanh. Ngoài ra, qua kiểm tra còn phát hiện trong túi xách tay màu đen của H để trên xe ô tô có 40 bao nylong màu trắng trong suốt, kích thước khoảng (2x3)cm, chưa qua sử dụng. H khai nhận toàn bộ tang vật mà Cơ quan Công an thu giữ là ma tuý tổng hợp dạng thuốc lắc và ketamine, H mua về để cùng M sử dụng và bán lại cho con nghiện kiếm lời.

**Tang vật thu giữ:**

- 05 gói nylong kích thước khoảng (2x3)cm bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, niêm phong ký hiệu C1;

- 16 gói nylong kích thước các loại bên trong có chứa 57 viên nén màu xanh, niêm phong ký hiệu C2;

- 40 gói nylong màu trắng trong suốt, kích thước khoảng (2x3)cm, chưa qua sử dụng;

- 01 CMND mang tên Võ Văn H 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone màu vàng gắn sim 0905.834.844; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Mobell viền xanh màu đen gắn sim 0971.265.269; 01263.615.928; 01 xe ô tô BKS 43A – 311.90 màu trắng; 15.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành (thu giữ của Võ Văn H);

- 01 CMND mang tên Huỳnh Bá M; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo gắn sim 0985.573.840; 0905.469.604; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim 0989.582.344; 0905.804.472 (thu giữ của Huỳnh Bá M)

Tại Kết luận giám định số: 181/GĐ-MT ngày 19/9/2018 của Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng xác định:

Tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu C1 gửi giám định là ma tuý, loại Ketamine, khối lượng mẫu tinh thể C1: 1,537 gam.

Các viên nén màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu C2 gửi giám định là ma tuý, loại MDMA, khối lượng mẫu viên nén C2: 22,518 gam.

**Qua điều tra xác định:**

Để có tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ ngân hàng và sử dụng ma tuý, khoảng đầu tháng 8/2018, Võ Văn H rủ Huỳnh Bá M thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, M đồng ý. H là người chuẩn bị tiền và tìm nguồn mua ma tuý. Khi con nghiện có nhu cầu mua ma tuý thì liên lạc với H hoặc M, H và M sẽ hẹn địa điểm giao dịch mua bán rồi sử dụng xe ô tô BKS 43A – 311.90 đem ma tuý đến giao cho con nghiện và lấy tiền. Nếu lúc nào H bận thì M tự mình đi bán ma tuý cho con nghiện và ngược lại. Lợi nhuận thu được từ việc bán ma tuý, H trả nợ ngân hàng, cho M số tiền 12.000.000 đồng; ngoài ra, tiền bán ma tuý có được sẽ bỏ trong hộp xe ô tô của H, nếu H hoặc M cần tiền tiêu xài thì lấy tiền ở đó. Ngày 11/9/2018, H liên hệ với một người tên Hùng (Không rõ nhân thân lai lịch, sống ở TP Hồ Chí Minh) để mua 100 viên thuốc lắc và 06 gói Ketamine với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được số ma tuý trên, H và M đã bán cho một số con nghiện nhưng không nhớ rõ số lượng, địa điểm giao dịch và số tiền mua bán. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/9/2018, H điều khiển xe ô tô BKS 43A – 311.90 đi đến khách sạn Đ (đường Q, quận T) để đón M đi bán ma tuý. M rủ bạn gái là Phan Huỳnh Cẩm G đi cùng nhưng không nói cho G biết là đi bán trái phép chất ma tuý. Lúc lên xe, G ngồi ghế sau chơi điện tử, M ngồi ghế phụ bên cạnh H. Trong ngày 13/9/2018, H và M đã bán ma tuý 03 lần, cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/9/2018, có 01 thanh niên gọi điện thoại cho M hỏi mua 02 viên thuốc lắc, M nói giá 800.000 đồng. Người thanh niên đồng ý mua và hẹn giao dịch tại trước quán nhậu C, đường Đ. H điều khiển xe ô tô BKS 43A – 311.90 chở M đến địa điểm đã hẹn, người thanh niên đi xe Air Blade đi đến chỗ M, M hạ kính xe ô tô và nhận 800.000 đồng từ người thanh niên rồi đưa gói nylong chứa 02 viên thuốc lắc cho người thanh niên. Sau đó, M đưa số tiền 800.000 đồng cho H cất giữ.

Khoảng 22giờ ngày 13/9/2018, Lê Anh H sử dụng số điện thoại 01202.700.702 gọi đến cho Huỳnh Bá M (số điện thoại 0989.582.344) hỏi mua 04 viên thuốc lắc để sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân, M đồng ý bán với giá 1.600.000 đồng và hẹn giao dịch tại trước quán karaoke H, đường Đ. H điều khiển xe ô tô BKS 43A – 311.90 chở M đến địa điểm đã hẹn, H đi bộ đến chỗ H, H hạ kính xe ô tô, nhận 1.600.000 đồng từ H rồi đưa gói nylong chứa 04 viên thuốc lắc cho H. H bỏ ma tuý vào túi quần phía trước bên phải H đang mặc rồi đi bộ về lại quán Karaoke H, đường Đ, quận T để lên phòng sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật. Ngoài 04 viên thuốc lắc vừa mới mua của H bị thu giữ, lực lượng Công an còn thu giữ trong túi quần phía trước bên phải H đang mặc 01 gói ma tuý "đá", H khai nhận mua của một thanh niên sử dụng số điện thoại 0968.762.547 tại ngã tư V –K với số tiền 1.000.000 đồng.

**Thu giữ của H:**

- 01 gói nylong bên trong có chứa 04 viên nén màu xanh, niêm phong ký hiệu A1;

- 01 gói nylong kích thước khoảng (2,5x3) cm bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, niêm phong ký hiệu A2;

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung gắn sim 0932.035.135;

- 4.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành;

- 01 CMND mang tên Lê Anh H;

- 01 xe mô tô BKS 43G1 – 333.50;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Anh H.

Tại Kết luận giám định số: 180/GĐ-MT ngày 19/9/2018 của Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng xác định:

Viên nén trong gói niêm phong ký hiệu A1 gửi đi giám định là ma tuý, loại MDMA, khối lượng mẫu A1: 1,563 gam.

Tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A2 gửi đi giám định là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng tinh thể A2: 0,732 gam.

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 13/9/2018, Nguyễn Quang P đang hát karaoke với 02 người bạn tên S và H (là bạn quen biết ngoài xã hội, không rõ nhân thân, lai lịch) tại quán Karaoke Đ (số 113 L, quận C) thì H có nói mua ma tuý về sử dụng. Do quen biết và biết Huỳnh Bá M có bán ma tuý nên P sử dụng số điện thoại 0935.472.862 gọi đến cho Huỳnh Bá M (số điện thoại 0989.582.344) rồi đưa điện thoại cho S nói chuyện với M (do lúc đó P đang hát karaoke nên đưa máy cho S nói chuyện). S hỏi mua 03 viên thuốc lắc. M đồng ý bán với giá 1.200.000 đồng và hẹn giao dịch tại trước quán karaoke Đ. H điều khiển xe ô tô BKS 43A – 311.90 chở M đến địa điểm đã hẹn rồi điện thoại cho P, S đưa tiền cho P rồi P đi bộ từ quán karaoke đến chỗ M, M hạ kính xe ô tô, nhận 1.200.000 đồng từ P rồi đưa gói nylong chứa 03 viên thuốc lắc cho P. Sau khi có ma tuý, P cất giấu vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi chuẩn bị lên phòng karaoke để sử dụng thì bị lực lượng công an kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật ngay tại cầu thang bộ ở tiền sảnh quán karaoke Đ. Lúc đó chỉ có P bị bắt quả tang, còn S và Hđang hát karaoke trên phòng; sau đó, S và H đi về lúc nào thì P không biết (ngay tại thời điểm bị bắt quả tang, P không khai báo về hành vi của S và H, quá trình điều tra P mới khai báo về hành vi của S và H).

**Tang vật thu giữ:**

- 01 gói nylong bên trong có chứa 03 viên nén màu xanh, niêm phong ký hiệu A;

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu đen xám, gắn sim 0935.472.862.

Tại Kết luận giám định số: 179/GĐ-MT ngày 19/9/2018 của Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng xác định: Mẫu viên nén màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu A gửi đi giám định là ma tuý, loại MDMA, khối lượng viên nén mẫu A: 1,190 gam.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng còn phát hiện 02 đối tượng tên Nguyễn P (SN 1990; Trú: số 33 H, quận T) và Trần Duy C (Sn 1998; Trú: Khối phố C, Thị xã B) có hành vi sử dụng ma tuý tại trước Bar F3, quận C. Cả hai đối tượng đều thừa nhận mua ma tuý của đối tượng tên "Mèo", sử dụng số điện thoại 0971.265.269 (là số điện thoại của H). Tuy nhiên, qua quá trình điều tra, Võ Văn H và Huỳnh Bá M đều không thừa nhận việc đã bán ma tuý cho P và C nên chưa có cở sở để xử lý H và M về hành vi này.

*Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 20/2/2019 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định*:

**1/ Tuyên bố**:

Võ Văn H, Huỳnh Bá M phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

Lê Anh H, Nguyễn Quang P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ: điểm b, c, p Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Võ Văn H 08 (tám) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/9/2018. Xử phạt hình phạt bổ sung: 10.000.000 (*mườitriệu đồng*);

Căn cứ: điểm b, c, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Huỳnh Bá M07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/9/2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt Nguyễn Quang P 15 (mười lăm) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/9/2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Lê Anh H 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/9/2018. Xử phạt hình phạt bổ sung: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)

**2/ Về xử lý vật chứng:**Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng thu giữ của Võ Văn H, cơ quan điều tra xác định: trong đó có 3.600.000 đồng là tiền H bán ma tuý nên tịch thu sung công. Số tiền 1.400.000 đồng là tiền cá nhân của H, không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma tuý nên quy trữ để đảm bảo thi hành án.Số tiền 10.000.000 đồng là tiền vợ H đưa đi trả tiền ngânhàng nên trả lại cho vợ bị cáo là bà Huỳnh Thị Tuyết T.

- Đối với 01 xe ô tô BKS 43A – 311.90 là xe do vợ chồng Võ Văn H và Huỳnh Thị Tuyết T (SN 1994; Trú: Tổ 38, phường M, quận S) làm chủ sở hữu, tuy nhiên, vào ngày 23/11/2017, vợ chồng H, T đã vay thế chấp xe này tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Đà Nẵng, mỗi tháng trả lãi và gốc là 10.000.000 đồng. Vợ chồng H, T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng được 09 tháng (từ thời điểm vay đến thời điểm H bị bắt). Do đó tuyên trả lại 01 xe ô tô BKS 43A-311.90 cho vợ bị cáo H là chị Huỳnh Thị Tuyết T để chị T bảo quản, sử dụng và thực hiện tiếp tục nghĩa vụ đối với ngân hàng. Nếu sau này bà T, bị cáo H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc xử lý vật chứng đối với một số tang vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 07/03/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 01/2019/QĐ-VKS-ST có nội dung như sau: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà về mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo Võ Văn H, Huỳnh Bá M, Lê Anh H và Nguyễn Quang P; kháng nghị mức hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Anh H; kháng nghị phần xử lý vật chứng liên quan đến số tiền 10.000.000 đồng và xe ô tô Biển kiểm soát số 43A – 311.90 của bị cáo Võ Văn H. Đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với cả 04 bị cáo nêu trên; tăng mức hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Anh H; tuyên quy trữ số tiền 10.000.000 đồng thu được của bị cáo Võ Văn H để đảm bảo thi hành án; tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền còn lại của giá trị chiếc xe ô tô BKS 43A – 311.90 sau khi đã khấu trừ số nợ của vợ chồng bị cáo Võ Văn H tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nội dung kháng nghị về tăng hình phạt đối với 4 bị cáo; rút kháng nghị về việc tăng tiền phạt bổ sung đối với Lê Anh H do Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã có văn bản đính chính về vấn đề này và gia đình bị cáo H đã nộp thêm tiền phạt bổ sung là 1.000.000 đồng theo Thông báo định chính của Tòa sơ thẩm; rút nội dung kháng nghị về việc yêu cầu tuyên tiếp tục quy trữ số tiền 10.000.000 đồng của Võ Văn H để đảm bảo thi hành vì gia đình bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng này thay cho bị cáo; Về nội dung kháng nghị

liên quan đến xe ô tô BKS 43A – 311.90, Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung công Nhà nước 1/2 giá trị của chiếc xe vì xe này là tài sản chung của H và vợ là bà T, H đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần phải bị tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe này.

Các bị cáo H, M, P, H thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà các bị cáo cho rằng đã nhận thức được việc làm sai trái vi phạm pháp luật của mình và ăn năn hối cải, mức án Tòa sơ thẩm tuyên là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên mức hình phạt Tòa sơ thẩm đã tuyên. Về kháng nghị liên quan đến phần xử lý vật chứng và phần hình phạt bổ sung các bị cáođề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Tuyết T cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng được hình thành từ vốn vay Ngân hàng và chiếc xe này đang cầm cố thế chấp tại Ngân hàng, hiện nay sau khi chồng bị bắt, xe bị giữ bà vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng với Ngân hàng nên bà T đề nghị xin được nhận lại xe và tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng. Bà cho rằng bà không có lỗi trong việc bị cáo H mang xe đi làm phương tiện phạm tội.

Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh Vượng có ý kiến: chiếc xe trên là tài sản được hình thành từ vốn vay của Ngân hàng và là tài sản đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng H và T, đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hiện giấy tờ xe do Ngân hàng giữ; sau khi xe bị Công an tạm giữ thì bà T vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng và trả nợ vay cho Ngân hàng; Ngân hàng không có lỗi trong việc bị cáo H mang xe đi làm phương tiện phạm tội nên đề nghị giao chiếc xe trên cho các bên liên quan tiếp tục thực hiện hợp đồng vay và thế chấp;

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Vào lúc 22 giờ 53 phút ngày 13/9/2018, Công an Tp. Đà Nẵng bắt quả tang Võ Văn H và Huỳnh Bá M đang cất giấu 22,518 gam ma túy loại MDMA và 1,537 gam ma túy loại Ketamine trong hộp xe ôtô BKS 43A-311.90 nhằm mục đích mua bán thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Trước đó khoảng 22 giờ ngày 13/09/2018, cơ quan chức năng đã bắt quả tang Lê Anh H đang cất giấu 1,563 gam ma túy loại MDMA, H khai nhận ma túy là do H đã mua của H và M với giá tiền 1.600.000 đồng với mục đích sử dụng cho nhu cầu

nghiện của bản thân. Ngoài số ma túy MDMA trên, H còn cất giấu 0,732 gam ma túy loại Methamphetamine, H khai nhận mua của một thanh niên sử dụng số điện thoại 0968.762.547 tại ngã tư Hùng Vương – Ông Ích Khiêm với số tiền 1.000.000 đồng.

Cũng khoảng 21 giờ 45 phút ngày 13/09/2018, cơ quan chức năng đã bắt quả tang Nguyễn Quang P đang cất giấu 1,190 gam ma túy loại MDMA, P khai nhận ma túy là do P đã mua của H và M với giá tiền 1.200.000 đồng với mục đích sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân.

Ngoài ra, H và M còn khai nhận khoảng 20 giờ cùng ngày còn bán cho một thanh niên không rõ lai lịch 2 viên ma túy thuốc lắc với giá tiền 800.000 đồng tại trước quán nhậu Mạnh Chiều, đường Phạm Văn Đồng, Tp. Đà Nẵng.

Với các hành vi trên, tại bản án sơ thẩm số04/2019/HSST ngày 20/2/2019 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng đã xét xửcác bị cáoVõ Văn H, Huỳnh Bá M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nguyễn Quang P, Lê Anh H về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 249Bộ luật hình sự năm 2015là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

***Về tình tiết khung hình phạt đối với bị cáo H và M***:

- Trong buổi tối ngày 13/09/2018 các bị cáo bán ma túy cho nhiều người nên bị truy tố, xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS là đúng.

- Khi bắt quả tang các bị cáo thu giữ được 22,518 gam ma túy loại MDMA và 1,537 gam ma túy loại Ketamine, ma túy này các bị cáo cất giấu để mua bán nên các bị cáo còn bị truy tố, xét xử theo điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS là đúng.

- Trong buổi tối ngày 13/09/2018, các bị cáo đã bán ma túy cho 3 người ở ba thời điểm và ba vị trí khác nhau nhưng Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo theo cả điểm c khoản 2 Điều 251 BLHS tức là "phạm tội đối với 02 người trở lên" là không đúng. Tình tiết này *phảiđược hiểu là trong một lần phạm tội, người phạm tội đã thực hiện tội phạm đối với từ hai người trở lên*(hướng dẫn tại mục 2.4 Thông tư liên tịch số 17 năm 2007). Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

***Về tình tiết định khung đối với H và P***:

- P tàng trữ 1,190 gam ma túy loại MDMA mục đích để sử dụng nên bị truy tố, xét xử theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng.

- H tàng trữ 2 chất ma túy là 1,563 gam ma túy loại MDMA và 0,732 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là không đúng mà phải xác định bị cáo phạm tội theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS mới đúng. Do vậy,

Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà,Hội đồng xét xử xét nhận thấy:

- Về đề nghị tăng mức hình phạt chính đối với các bị cáo:

+ Xét các bị cáo H và M bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 251 BLHS có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm tù. Tuy nhiên, do áp dụng pháp luật không đúng nên các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo phạm tội theocả tình tiết định khung là "*phạm tội đối với 2 người trở lên*", trong khi các bị cáo chỉ phạm tội theo các tình tiết định khung là "*phạm tội từ 02 lần trở lên*" và "*Có 2 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ h đến o khoản này*". Trong quá trình tố tụng, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình; tiền sự của bị cáo H và tiền án của bị cáo M đã đương nhiên được xóa theo quy định của pháp luật;sau khi bị bắt quả tang các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận những lần bán ma túy trước đó cho H và P; tại các biên bản bắt quả tang đối với H và P chưa có thể hiện H và M là người bán ma túy, tại các biên bản ghi lời khai sau đó các bị cáo này đều đã tự thừa nhận hành vi bán ma túy cho P và H, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quyết định việc truy tố xét xử các bị cáo này tình tiết định khung "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo.Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H đã tác động gia đình nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000 đồng thể hiện sự ăn năn của mình; bị cáo P có vai trò thấp hơn bị cáo M, là người đồng phạm. Do vậy, HĐXX thấy rằng mức án 08 năm tù đối với H và mức án 7 năm 06 tháng tù đối với M là phù hợp nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

+ Đối với các bị cáo P và H bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 249 BLHS có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm năm tù;xét bị cáo H tuy tàng trữ số chất và khối lượng ma túy nhiều hơn so với bị cáo P nhưng bị cáo H lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; sau xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung còn thiếu theo Thông báo đính chính của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thể hiện sự ăn năn hối cải của mình; hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo P thể hiện bị cáo mua ma túy là mua giúp cho Sơn và Hòa chưa kịp giao thì bị bắt quả tang, kết quả thử test đối với bị cáo âm tính với chất ma túy, bị cáo P gia đình có công với cách mạng (tình tiết này chưa được cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng cho bị cáo); quá trình điều tra các bị cáo này đã khai báo thành khẩn và nhận dạng ra người bán ma túy cho mình là bị cáo H và M giúp cho việc điều tra phá án được nhanh chóng. Do vậy, HĐXX thấy rằng mức án 15 tháng tù đối với P

và 12 tháng tù đối với H là phù hợp nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

- Về đề nghị tăng mức phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Anh H:

Xét tại bản án sơ thẩm gốc và bản án sơ thẩm chính thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS phạt tiền bổ sung 4 triệu đồng đối với H, nhưng tại biên bản nghị án thể hiện số tiền phạt bổ sung là 5.000.000 đồng (tiếp tục quy trữ 4.000.000 đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án); xác định đây là sự nhầm lẫn nên ngày 06/03/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đã có Văn bản đính chính số 04 sửa chữamức phạt bổ sung đối với H từ 4 triệu đồng thành 5 triệu đồng; văn bản này ban hành trước kháng nghị 1 ngày; bị cáo H cũng đã tác động gia đình nộp bổ sung tiền phạt 1.200.000 đồngtheo Thông báo đính chính nói trên (thể hiện tại biên lai thu tiền số 009064 ngày 15/05/2019 của Chị cục thi hành án quận Sơn Trà). Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị nội dung này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này; đồng thời tuyên tiếp tục quy trữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Về yêu cầu quy trữ số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H để đảm bảo thi hành án.

Xét Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS phạt tiền bổ sung đối với bị cáo H 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra có thu giữ của bị cáo 15.000.000 đồng, trong đó xác định: có 3.600.000 đồng là tiền bán ma túy có được nên tịch thu sung công là đúng, còn lại 11.400.000 đồng Viện kiểm sát đề nghị quy trữ để đảm bảo thi hành án nhưng Tòa sơ thẩm chỉ tuyên quy trữ 1.400.000 đồng để đảm bảo thi hành án, còn 10.000.000 đồng  tuyên trả lại cho vợ bị cáo là Huỳnh Thị Tuyết T trong khi chưa có căn cứ vững chắc để xác định số tiền này do bà T đưa cho bị cáo trả nợ Ngân hàng là chưa phù hợp. Tuy nhiên, xét sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng (thể hiện tại biên lai thu tiền số 009063 ngày 15 tháng 05 năm 2019). Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút kháng nghị nội dung này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này; tuyên tiếp tục quy trữ số tiền 10.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án; đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại phần này cho phù hợp, tuyên trả lại số tiền 11.400.000 đồng cho bị cáo Võ Văn H.

- Về việc xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô BKS 43A – 311.90, HĐXX nhận thấy: chiếc xe này là tài sản chung của bị cáo H và vợ là Huỳnh Thị Tuyết T được hình thành từ nguồn vốn vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vay mua xe nhằm chạy Grap) và hiện đang được thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay 452.000.000 đồng chưa bao gồm lãi, theo hợp đồng vay có kỳ hạn

83 tháng (bị cáo và vợ mới chỉ thanh toán được 9 phân kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng), hiện giấy tờ xe Ngân hàng đang quản lý; theo Ngân hàng trình bày sau khi xe bị Công an tạm giữ thì bà T vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng với Ngân hàng nên Ngân hàng cũng như bà T và bị cáo H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm liên quan đến chiếc xe này. Xét Ngân hàng và bà T không có lỗi trong việc bị cáo mang xe đi sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp đang còn hiệu lực, Ngân hàng và bà T yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, hiện vốn vay và lãi phát sinh tính đến ngày 22/05/2019 là hơn 355 triệu đồng. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại xe cho bà T quản lý để tiếp tục thực hiện hợp đồng vay và thế chấp với Ngân hàng là phù hợp với quy định và hướng dẫn tại mục 5 phần I của Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT – BCA – BTC – TANDTC – VKSNDTC ngày 24/10/1998 về việc hướng dẫn xử lý tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự. Mặt khác theo quyết định kháng nghị thì Viện kiểm sát quận Sơn Trà đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền còn lại của giá trị chiếc xe ô tô BKS 43A – 311.90 sau khi đã khấu trừ số nợ của vợ chồng bị cáo Võ Văn H tại Ngân hàng, nhưng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng lại đề nghị tuyên tịch thu sung công Nhà nước 1/2 giá trị của chiếc xe vì xe này là tài sản chung của H và vợ là bà T, H đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần phải bị tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe này. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy đề nghị này của kiểm sát viên tại phiên tòa là vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu, làm xấu hơn tình trạng của bị cáo và các bên liên quan quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

Bản án sơ thẩm khi xử lý vật chứng nhưng không tuyên rõ vật chứng hiện đang ở đâu, do ai quản lý, theo quyết định và biên bản giao nhận vật chứng nào là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 và 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng nghị liên quan đến yêu cầu tăng mức phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Anh H và yêu cầu quy trữ số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H để đảm bảo thi hành án do tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đã rút kháng nghị các nội dung này.

2.Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;Không chấp nhận kháng nghị củaViện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng

về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với 4 bị cáo Võ Văn H, Huỳnh Bá M, Nguyễn Quang P, Lê Anh H và yêu cầu tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe ô tô BKS 43A – 311.90 thu giữ của Võ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: điểm b, p Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Võ Văn H **08 (tám)** năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/9/2018. Phạt tiền bổ sung: 10.000.000 (*mườitriệu đồng*);

Căn cứ: điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Huỳnh Bá M**07 (bảy) năm 6 (sáu)** tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm gữ, tạm giam ngày 13/9/2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt Nguyễn Quang P **15 (mười lăm)**tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/9/2018.

Căn cứ: Điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt: Lê Anh H **12 (mười hai)**tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam, ngày 13/9/2018. Phạt tiền bổ sung: 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Điều chỉnh lại một số nội dung như sau:

- Tuyên trả lại cho bị cáo Võ Văn H số tiền 11.400.000 đồng

- Tuyên trả lại cho bị cáo Võ Văn H và bà Huỳnh Thị Tuyết T 01 xe ô tô BKS 43A - 311.90 để cùng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tiếp tục thực hiện hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp liên quan đến chiếc xe trên; trường hợp bên vay và bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng thì bên cho vay và bên nhận thế chấp có quyền khởi kiện ở một vụ án dân sự khác.

(*Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà và biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 19/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà và Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà*)

- Tuyên quy trữ số tiền 10.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Võ Văn H đã nộp tại biên lai thu tiền số 009063 ngày 15 tháng 05 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà để đảm bảo thi hành án phạt tiền bổ sung.

- Tuyên tiếp tục quy trữ số tiền 1.200.000 đồng mà gia đình bị cáo Lê Anh H đã nộp tại biên lai thu tiền số 009064 ngày 15/05/2019 của Chi cục thi hành án quận Sơn

Trà (cùng với 4.000.000 đồng đã tuyên quy trữ tại bản án sơ thẩm) để đảm bảo thi hành án phạ tiền bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Các bị cáoVõ Văn H, Huỳnh Bá M, Nguyễn Quang P, Lê Anh Hkhông phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
-Phòng HSNV-CA TP ĐN (PV27);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- TAND quận Sơn Trà;
- Công an quận Sơn Trà;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Long**